

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----&&&-----

HỢP ĐỒNG

CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ
(INTERNET BANKING) CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Số: /HDIB – CN.....

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 14/06/2005;
- Căn cứ vào Luật các Tổ chức tín dụng số 07/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 15/06/2004;
- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y tại quyết định số 1573/QĐ – NHNN ngày 03/07/2009.
- Căn cứ Luật giao dịch điện tử 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Nghị định 64/2001/NĐ-CP ngày 20/09/2001 về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;
- Căn cứ Pháp lệnh ngoại hối Việt Nam số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13/12/2005;
- Căn cứ Nghị định 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Ngoại hối;
- Căn cứ Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động Ngân hàng;
- Căn cứ Quyết định số 35/2006/QĐ-NHNN ngày 31/07/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử;;
- Theo nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

(VIETINBANK) - CHI NHÁNH.....

.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Người đại diện: Ông (bà)

Chức vụ:

Số CMT: Cấp ngày..... Tại

HỢP ĐỒNG	Mã số:	Trang : 1/8
SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày sửa đổi:

Theo Giấy ủy quyền số ngày
của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Sau đây gọi là bên A.

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Số Giấy phép thành lập/ĐKKD: Cấp ngày Tại

Người đại diện: Ông (bà): Chức vụ:

Số CMT: Cấp ngày Tại

Theo Giấy ủy quyền số: Ngày của

Sau đây gọi là bên B.

Hai bên đã thỏa thuận và ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet banking với các điều khoản sau:

Điều 1: Cung cấp dịch vụ

- 1.1.** Bên A đồng ý cung cấp và bên B đồng ý sử dụng dịch vụ Internet Banking dành cho Khách hàng doanh nghiệp của Bên A để thực hiện các giao dịch được đăng ký tại **mục 3, Phụ lục Hợp đồng 01** của Hợp đồng này.
- 1.2.** Việc đồng ý sử dụng dịch vụ Internet Banking của Bên B theo Hợp đồng này được hiểu là việc đồng ý với loại hình dịch vụ đã đăng ký và toàn bộ các thông tin, hướng dẫn, quy định và điều kiện sử dụng dịch vụ mà Bên A đang áp dụng đối với các loại dịch vụ đó tại thời điểm các Bên ký kết Hợp đồng này cũng như các sửa đổi, bổ sung (nếu có) trong thời gian Bên B sử dụng dịch vụ do Bên A cung cấp.

Điều 2: Cung cấp tên đăng nhập, mật khẩu và thiết bị xác thực giao dịch

- 2.1** Bên A cung cấp cho Bên B tên đăng nhập và mật khẩu để truy cập và sử dụng dịch vụ Internet Banking ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng. Trong trường hợp sử dụng các dịch vụ thanh toán, Bên B sẽ được cung cấp thêm thiết bị xác thực để kiểm soát và phê duyệt giao dịch.
- 2.2** Bên B cam kết bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và thiết bị xác thực mà Bên A cung cấp từ thời điểm Bên A bàn giao tên đăng nhập, mật khẩu, thiết bị xác thực cho bên B. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp tên đăng nhập, mật khẩu, thiết bị xác thực bị

HỢP ĐỒNG	Mã số:	Trang : 2/8
SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày sửa đổi:

lộ, bị mất và sẽ chịu mọi rủi ro do việc để lộ, để mất tên đăng nhập, mật khẩu, thiết bị xác thực.

- 2.3** Trường hợp bên B quên mất tên đăng nhập, Bên B có quyền đề nghị Bên A cấp lại. Tên đăng nhập sẽ được cấp lại trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên B.
- 2.4** Bên B có quyền yêu cầu Bên A cấp lại thiết bị xác thực trong trường hợp thiết bị xác thực bị mất/bị hỏng và Bên B chịu mọi chi phí phát sinh cho việc cấp lại này. Thiết bị xác thực sẽ được cấp trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được văn bản đề nghị của Bên B.

Điều 3: Quyền và trách nhiệm của Bên B

3.1 Bên B có quyền:

- a. Truy cập vào chương trình Internet Banking của Bên A, sử dụng tên truy cập và mật khẩu để thực hiện các giao dịch đã đăng ký tại mục 3, Phụ lục 01 của Hợp đồng này. Các giao dịch được thực hiện trong phạm vi tài khoản được đăng ký tại mục 2, Phụ lục 01 của Hợp đồng này. Thông tin người dùng và vai trò người dùng được đăng ký tại mục 4, Phụ lục 01 của Hợp đồng này;
- b. Khiếu nại, yêu cầu tra soát nếu có sai sót hoặc có giao dịch nghi ngờ phát sinh trong quá trình sử dụng Dịch vụ theo quy định của pháp luật và của Bên A. Khiếu nại phải được lập thành văn bản và gửi cho Bên A trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch được thực hiện. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ không chịu trách nhiệm giải quyết. Trường hợp khiếu nại của Bên B không liên quan đến lỗi của Bên A, Bên B sẽ phải chịu chi phí phát sinh từ việc xử lý khiếu nại theo quy định của Bên A (nếu có);
- c. Yêu cầu Bên A thay đổi, bổ sung hoặc huỷ bỏ thông tin sử dụng dịch vụ trên chương trình Internet Banking gồm thông tin tài khoản, thông tin dịch vụ, thông tin người dùng theo Phụ lục 02 của Hợp đồng này;
- d. Được quyền yêu cầu Bên A hướng dẫn và cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm dịch vụ, thông tin về tài khoản theo từng thời điểm;
- e. Được quyền yêu cầu Bên A kích hoạt lại dịch vụ khi bị khoá;

3.2 Bên B có trách nhiệm:

- a. Đăng ký sử dụng dịch vụ và tuân thủ các quy trình thực hiện giao dịch trên chương trình Internet Banking theo đúng quy định của Bên A;
- b. Đồng ý để Bên A trích nợ tài khoản thanh toán giá trị các giao dịch, các loại phí liên quan đến giao dịch theo biểu phí hiện hành của Bên A và phí giải quyết tranh chấp theo quy định của Bên A và pháp luật (nếu có);

HỢP ĐỒNG	Mã số:	Trang : 3/8
SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày sửa đổi:

Biểu mẫu 04: IB-KH-BM04-HDIB

- c. Đảm bảo tài khoản thu phí của Bên B phải có số dư đủ để Bên A thực hiện trích nợ cho các giao dịch theo yêu cầu của Bên B hoặc trích nợ các khoản phí liên quan khi đến hạn thanh toán;
- d. Hoàn trả cho Bên A các khoản ghi Có nhầm, thừa vào tài khoản của Bên B và/hoặc các khoản tiền tranh chấp và các khoản phí phát sinh khi tranh chấp được các cơ quan có thẩm quyền xử Bên B thua kiện (nếu có);
- e. Trực tiếp đến các điểm giao dịch của Bên A để nhận các thiết bị bảo mật (nếu có) hoặc ủy quyền cho người khác đến nhận hoặc đề nghị Bên A gửi thiết bị bảo mật bằng đường bưu điện. Việc ủy quyền phải được Bên B trực tiếp lập thành văn bản tại Bên A hoặc phải được công chứng, chứng thực. Nếu các thiết bị bảo mật được gửi bằng đường bưu điện, Bên B phải chịu mọi rủi ro có thể phát sinh và phải xác nhận bằng văn bản gửi về Bên A khi nhận được;
- f. Thông báo bằng hình thức nhanh nhất cho Bên A khi phát hiện hoặc nghi ngờ việc truy cập trái phép Dịch vụ được Bên A cung cấp cho Bên B hoặc nghi ngờ có người biết thông tin tên truy cập và mật khẩu của người dùng của Bên B. Bên B phải xác nhận lại thông báo của mình bằng văn bản gửi cho Bên A (nếu trước đó thông báo bằng các hình thức khác);
- g. Chịu trách nhiệm giải quyết mọi tranh chấp phát sinh với bên chỉ thị ghi có cho Bên B hoặc cho người hưởng của Bên B liên quan đến việc chuyển tiền sau khi Bên A đã thực hiện đúng theo chỉ thị thanh toán;
- h. Thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản những thay đổi về địa chỉ liên hệ hoặc các thông tin đăng ký khác theo yêu cầu của Bên A;
- i. Phối hợp với Bên A trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến việc thực hiện dịch vụ Internet Banking của Bên A (nếu có);
- j. Cam kết không thực hiện các giao dịch trái với luật pháp;
- k. Các trách nhiệm khác theo quy định này và các quy định có liên quan của Bên A và của pháp luật.

Điều 4: Quyền và trách nhiệm của Bên A

4.1 Bên A có quyền:

- a. Được miễn trách nhiệm do hệ thống cung cấp dịch vụ của Bên A không thực hiện các giao dịch theo yêu cầu của Bên B trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin,... bị sự cố hoặc vì bất cứ lý do nào khác;
- b. Được miễn trách trong trường hợp Bên B khiếu nại dịch vụ sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch;
- c. Được miễn trách trong trường hợp Bên B lựa chọn sai tài khoản ghi có;

HỢP ĐỒNG	Mã số:	Trang : 4/8
SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày sửa đổi:

Biểu mẫu 04: IB-KH-BM04-HDIB

- d. Được phép sử dụng thông tin của Bên B để: (i) Phục vụ việc quản lý, giám sát, tư vấn, hỗ trợ,... giữa Bên A với Bên B và/hoặc sử dụng vào mục đích quảng bá, giới thiệu sản phẩm dịch vụ của Bên A cho Bên B; (ii) Chia sẻ cho bên thứ ba có hợp tác với Bên A cung cấp dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và lợi ích của Bên B; (iii) Phục vụ việc điều tra hoạt động rửa tiền hoặc gửi cho cơ quan có thẩm quyền khi có căn cứ hoặc nghi ngờ;
- e. Từ chối cấp phép việc thực hiện các giao dịch nếu thấy giao dịch đó trái với quy định của pháp luật hoặc không hợp lệ theo quy định của Bên A hoặc trong trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của Bên A hoặc trường hợp tài khoản của Bên B không đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện giao dịch;
- f. Ghi nợ tài khoản Bên B giá trị tất cả các giao dịch; các khoản phí liên quan đến giao dịch theo biểu phí được Bên A quy định theo từng thời kỳ; các khoản tiền ghi có nhằm, thừa vào tài khoản (nếu có); các khoản tiền tranh chấp và các khoản phí phát sinh khi tranh chấp được đưa ra các cơ quan tài phán và các cơ quan này xử Bên B thua kiện (nếu có);

4.2 Bên A có trách nhiệm:

- a. Tuân thủ các quy định về giao dịch thương mại điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- b. Đảm bảo rằng các ứng dụng dịch vụ cung cấp trên chương trình Internet Banking chạy ổn định, an toàn, không bị nhiễm vi rút hoặc hàm chứa các tác nhân gây hại khác có thể ảnh hưởng đến hệ thống thông tin của Bên B.
- c. Bảo mật các thông tin liên quan đến Bên B, Tài khoản và Giao dịch theo quy định của pháp luật;
- d. Chịu trách nhiệm ngừng cung cấp dịch vụ khi nhận được thông báo của Bên B (đã xác thực đúng Bên B) về việc thiết bị bảo mật hoặc điện thoại đăng ký sử dụng dịch vụ bị thất lạc, mất cắp hoặc lộ Mật khẩu;
- e. Giải quyết các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Bên B liên quan đến việc sử dụng dịch vụ Internet Banking;
- f. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại, tổn thất của Bên B phát sinh trong quá trình sử dụng Dịch vụ trừ khi những tổn thất, thiệt hại do lỗi chủ quan của Bên A gây ra;
- g. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm về việc Bên B thực hiện sai quy trình thực hiện giao dịch do Bên A quy định hoặc do Bên B nhập thông tin không chính xác;

Điều 5: Hạn mức giao dịch được thực hiện trên chương trình Internet Banking

- 5.1 Bên A sẽ quy định Hạn mức thanh toán/chuyển khoản cho một giao dịch và Hạn mức thanh toán/chuyển khoản trong ngày được thực hiện trên Internet Banking.

HỢP ĐỒNG	Mã số:	Trang : 5/8
SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày sửa đổi:

- 5.2** Bên A có thể thay đổi và/hoặc ấn định hạn mức cho các giao dịch trong từng thời kỳ và sẽ công bố rộng rãi tại các chi nhánh/phòng giao dịch của Bên A trên toàn quốc hoặc trên website chính thức của VietinBank.

Điều 6: Thực hiện giao dịch trên chương trình Internet Banking

- 6.1** Bên A được hiểu là đã nhận được các lệnh giao dịch do Bên B chuyển đến qua chương trình Internet Banking khi và chỉ khi những lệnh giao dịch này được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bên A và đã được hệ thống của Bên A ghi nhận.
- 6.2** Giao dịch được tạo, kiểm soát và phê duyệt trên chương trình Internet Banking sau khi đã nhập đúng tên truy cập, mật khẩu, mã xác thực (được thiết bị xác thực tự động sinh ra) được coi là có hiệu lực và có giá trị ràng buộc. Bên A kiểm tra tính xác thực của giao dịch nhận được trên chương trình Internet Banking bằng việc kiểm tra tên truy cập, mật khẩu và mã xác thực giao dịch.
- 6.3** Đối với các giao dịch đòi hỏi phải có chứng từ gốc kèm theo theo quy định của pháp luật, lệnh giao dịch trên chương trình Internet Banking của Bên B chỉ được coi là có hiệu lực khi Bên A nhận được đầy đủ chứng từ gốc kèm theo của giao dịch nói trên. Trường hợp Bên A chưa nhận đủ các chứng từ gốc theo quy định, Bên A không chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh do giao dịch bị chậm trễ.
- 6.4** Những giao dịch nhận được sau thời gian chạy xử lý cuối ngày sẽ được hệ thống của Bên A coi là giao dịch của ngày tiếp theo. Bên A sẽ thông báo cho Bên B thời gian hệ thống chạy xử lý cuối ngày, tuy nhiên, Bên A có quyền thay đổi thời gian hệ thống chạy xử lý cuối ngày mà không cần phải thông báo trước.

Điều 7: Chứng từ giao dịch trên chương trình Internet Banking

- 7.1** Chứng từ giao dịch được sử dụng đối với dịch vụ Internet Banking giữa Bên A và Bên B là chứng từ điện tử;
- 7.2** Nội dung chứng từ điện tử phải tuân thủ quy định của Bên A và các quy định khác của pháp luật liên quan đến giao dịch điện tử;
- 7.3** Các tài liệu, chứng từ liên quan đến việc cung cấp dịch vụ và/hoặc giao dịch giữa Bên A và Bên B cũng như các số liệu được ghi chép, xác nhận và lưu giữ bởi Bên A sẽ là bằng chứng về việc giao dịch qua chương trình Internet Banking của Bên A với Bên B. Các bằng chứng này có đầy đủ tính pháp lý công nhận trách nhiệm của Bên A trước pháp luật và cũng là bằng chứng có đầy đủ tính pháp lý của một hợp đồng đã được Bên A và Bên B thoả thuận.

Điều 8: Giờ giao dịch

HỢP ĐỒNG	Mã số:	Trang : 6/8
SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày sửa đổi:

- 8.1.** Các giao dịch trên chương trình Internet Banking được xử lý trong ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Pháp luật Việt Nam;
- 8.2.** Giờ giao dịch đối với từng loại dịch vụ cung cấp trên Internet Banking tuân thủ theo giờ quy định chung của Bên A.

Điều 9: Biểu phí

- 9.1** Việc áp dụng và thu các loại phí đối với Bên B sử dụng dịch vụ Internet Banking được tuân thủ các quy định về phí của Bên A trong từng thời kỳ;
- 9.2** Thông tin về các loại phí và biểu phí dịch vụ Internet Banking được Bên A niêm yết công khai tại trụ sở các chi nhánh/phòng giao dịch của Bên A; trên trang web chính thức của Bên A; và trên các kênh cung cấp dịch vụ Internet Banking hoặc thông báo cho Bên B qua hộp thư điện tử của Bên B;
- 9.3** Việc thu phí sẽ được thực hiện theo quy định của Bên A tại từng thời điểm.

Điều 10: Bảo mật

- 10.1** Mỗi bên cam kết, trong quá trình thực hiện Hợp đồng này sẽ giữ bí mật các thông tin do bên kia cung cấp (gồm các chương trình phần mềm, tài liệu hướng dẫn sử dụng và các thông tin liên quan đến chương trình) và chỉ được cung cấp cho bên thứ ba khi được phép của bên cung cấp thông tin hay theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- 10.2** Mỗi bên cam kết sẽ không sử dụng các thông tin mà bên kia cung cấp nhằm mục đích cạnh tranh với bên cung cấp thông tin.

Điều 11: Rủi ro và xử lý rủi ro

- 11.1** Các bên không phải chịu trách nhiệm pháp lý nào về các sự cố gây cản trở, gián đoạn hoặc làm ngừng hoạt động của chương trình Internet Banking nếu các sự cố đó được gây ra bởi một sự kiện bất khả kháng. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, bãi công, chiến tranh, sự thay đổi của pháp luật, chính sách, v.v.
- 11.2** Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng này, Bên A sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại và sự cố xảy ra trực tiếp hay gián tiếp bởi những nguyên nhân sau:
- a. Những sự cố do nguyên nhân kỹ thuật thuộc trang thiết bị của Bên B hoặc do nguyên nhân chủ quan do quản lý hay vận hành chương trình không đúng các hướng dẫn của Bên A.

HỢP ĐỒNG	Mã số:	Trang : 7/8
SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày sửa đổi:

- b. Những hư hỏng sự cố xảy ra với phần mềm hệ thống, thiết bị, các đường truyền viễn thông không phải do lỗi của Bên A.
 - c. Hệ thống bị nhiễm vi rút do lỗi của Bên B.
 - d. Sự sai lệch thông tin trong các lệnh giao dịch của Bên B.
 - e. Hành động sai sót của Bên B, ngân hàng đại lý, ngân hàng trung gian, ngân hàng trả tiền, nhà cung cấp dịch vụ thanh toán hàng hóa dịch vụ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác.
 - f. Những tình huống ngoài khả năng kiểm soát của Bên A.
- 11.3** Trong trường hợp có sự cố gây hỏng hóc toàn bộ hoặc một phần hệ thống máy tính của Bên B mà không do lỗi của Bên A thì Bên A sẽ hỗ trợ cài đặt lại chương trình Internet Banking, phục hồi lại dữ liệu trong khả năng có thể.

Điều 12: Luật điều chỉnh, giải quyết tranh chấp

- 12.1** Điều khoản này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc giải thích từ ngữ trong Hợp đồng này thì việc giải thích từ ngữ theo ngôn ngữ của Bên A sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 12.2** Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng giữa Bên B và Bên A, thì tranh chấp đó trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải.
- 12.3** Trường hợp hoà giải không thành công, các Bên có quyền đưa tranh chấp ra toà án có thẩm quyền tại thành phố Hà Nội, Việt Nam để giải quyết.

Điều 13: Thời hạn hiệu lực và điều khoản thi hành

- 13.1** Bản hợp đồng này có giá trị 01 (một) năm kể từ ngày ký. Bản hợp đồng này được tự động gia hạn, nếu không bên nào có văn bản liên quan đến thời hạn hợp đồng trước thời điểm đáo hạn của hợp đồng 01 tháng.
- 13.2** Trong trường hợp một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng hợp tác, phải có thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 60 ngày.
- 13.3** Bản hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bản gồm 08 (tám) trang, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

....., ngàytháng.....năm.....

Đại diện Bên A

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đại diện Bên B

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG	Mã số:	Trang : 8/8
SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Lần sửa đổi: 00	Ngày sửa đổi: